

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST
Ngày: 24 – 6 – 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2022/QĐST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967, địa chỉ: Số I53, Hẻm x, Tổ 2, Khu vực Y, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Công D, sinh năm 1953

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 09/02/2022, Hợp đồng vay tài sản ngày 20/10/2020 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào ngày 20/10/2020, bà có lập hợp đồng vay tài sản với ông Lê Công T tại Văn phòng Công chứng A, tại địa chỉ: Số 383B-N V C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, theo số công chứng: 1527, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/10/2020.

Theo nội dung hợp đồng, bà cho ông T vay với số tiền là: 150.000.000 đồng, kỳ hạn vay là: 01 (một) năm, Lãi suất vay: Tự thỏa thuận.

Để làm tin, ông T có giao cho bà cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 72yyyy, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00xxx do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp cho Hộ ông Lê Công D và bà Nguyễn Thị T ngày 18/11/2011, ông Lê Công T là thành viên hộ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng.

Kể từ khi ký hợp đồng vay tài sản cho đến nay, ông T hoàn toàn không đóng lãi và cũng không trả số tiền gốc đã vay cho bà khi đã hết thời hạn, mặc dù rất nhiều lần bà yêu cầu, nhưng ông T cố tình không thực hiện.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Lê Công T phải trả cho bà số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/02/2022 tổng cộng là: 188.400.000 đồng, cụ thể:

Tiền gốc: 150.000.000 đồng;

Tiền lãi: Tính từ ngày 20/11/2020 đến 20/02/2022 (16 tháng) với lãi suất 1,6% tháng: $150.000.000đ \times 1,6\% \times 16 \text{ tháng} = 38.400.000 \text{ đồng}$.

- Bà N sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản gốc) cho ông Lê Công T.

**Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, đương sự vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, đương sự là các ông, bà Lê Công T, Lê Công D và Nguyễn Thị T đều vắng mặt đến lần thứ hai, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/10/2020, theo mức lãi suất 01%/tháng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[2] Theo Hợp đồng vay tài sản ngày 20/10/2020, có công chứng của Văn phòng Công chứng A, do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: *Bà Nguyễn Thị N có cho ông Lê Công T vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất cho vay hai bên tự thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật.*

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn 150.000.000 đồng và lãi. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Căn cứ Hợp đồng vay tài sản nêu trên và điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, đến nay bị đơn vẫn chưa trả vốn và lãi cho nguyên đơn.

[4] Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Tại Điều 280 của Bộ luật này quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

[5] Tại khoản 1 Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật này quy định Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*; *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*.

[6] Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Công T phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, cụ thể như sau:

-Thời gian tính lãi: 01 năm 08 tháng 04 ngày (từ ngày 20/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2022).

-Thành tiền: 150.000.000 đồng x 01%/tháng x 01 năm 08 tháng 04 ngày = 30.195.000 đồng. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà N trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 180.195.000 đồng x 5% = 9.009.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Công T phải có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền vốn vay và lãi là 180.195.000 đồng, trong đó tiền vốn 150.000.000 đồng, tiền lãi 30.195.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N đồng ý trả lại cho ông T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 72yyyy, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00xxx do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Lê Công D và bà Nguyễn Thị T ngày 18/11/2011.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Công T phải chịu 9.009.750 đồng.
- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 4.710.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001658, ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Vinh Thắng